TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 680/2026/DS-ST
Ngày: 16/4/2026
V/v : Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào – Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 03 và ngày 16 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2025/TLST-DS, ngày 14 tháng 07 năm 2025, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 636/2026/QĐXXST-DS ngày 03/03/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1102/2026/QĐST-DS ngày 30/3/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần K;

Trụ sở: Số D đường P, phường R, tỉnh An Giang;

Địa chỉ liên hệ: Số I đường C, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Chí C; Sinh năm 2000;

Địa chỉ: Số I đường C, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo Văn bản ủy quyền số 3777/QĐ-NHKL ngày 20/09/2023;

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn P; Sinh năm 1989;

CCCD số: 079089007191

Nơi cư trú: Số E, Ấp E, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2024 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K thông qua người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 12/01/2018, Ngân hàng Thương mại Cổ phần K (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có ký với ông Nguyễn Tấn P các Hợp đồng tín dụng vay vốn (Bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Tấn P, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 30.000.000 đồng và giải ngân ngày 12/01/2018, với mục đích tiêu dùng cá nhân cho ông P.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông P vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng. Do đó, căn cứ thoả thuận của hai bên về việc chấm dứt sử dụng thẻ, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn, qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Nguyễn Tấn P vẫn không có thiện chí trả nợ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán, từ ngày 10/01/2023, ông P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong Hợp đồng đã ký với Ngân hàng.

Tính đến ngày 16/04/2026, ông Nguyễn Tấn P còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 29.517.932 đồng; Nợ lãi: 176.105.079 đồng. Tổng cộng: 205.623.011 đồng.

Nhận thấy quyền và lợi ích bị xâm phạm, Ngân hàng khởi kiện ông Nguyễn Tấn P để yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Tấn P phải trả ngay một lần cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/04/2026 là 205.623.011 đồng như đã trình bày ở trên.

- Ông Nguyễn Tấn P còn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ sau ngày 17/4/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã được xác lập giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Tấn P.

Ngân hàng xác định chỉ cho cá nhân ông Nguyễn Tấn P vay vốn, không liên quan đến người khác nên Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Tấn P có nghĩa vụ thanh toán nợ, không yêu cầu người khác liên đới chịu trách nhiệm và cũng không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn – ông Nguyễn Tấn P đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông P không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng, ông P cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do đó, Tòa án không thể thu thập được lời khai của ông P.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng trong đơn đề nghị giải quyết vắng mặt thể hiện nội dung vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Bị đơn – ông Nguyễn Tấn P vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Về phía Thẩm phán**:** Đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền; thực hiện cấp, tống đạt văn bản tố tụng đúng quy định (từ Điều 170 đến Điều 181); tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng trình tự (Điều 209, 210, 211); đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo khoản 1 Điều 203 BLTTDS.

- Về phía Hội đồng xét xử và Thư ký: Đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ (Điều 70, 71, 86 BLTTDS). Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định (Điều 72, 73 BLTTDS).

2. Về việc giải quyết vụ án:

- Về căn cứ xác lập: Ngày 12/01/2018, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Tấn P với hạn mức 30.000.000 đồng để tiêu dùng. Sau khi giải ngân, ông P đã thực hiện các giao dịch nhưng không thanh toán nợ đúng hạn dù đã được thông báo.

- Về số dư nợ: Tính đến ngày 16/4/2026, nợ tạm tính là 205.623.011 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 29.517.932 đồng; Lãi và phí: 176.105.079 đồng.

- Về quan điểm giải quyết: Việc Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ theo quy định tại Điều 466, 470 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010 và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP. Bị đơn vắng mặt không lý do và không có ý kiến phản hồi dù đã được tống đạt hợp lệ.

3. Đề nghị của Viện kiểm sát:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K.

+ Buộc ông Nguyễn Tấn P trả tổng số tiền 205.623.011 đồng tính đến ngày 16/4/2026.

+ Bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi và phí phát sinh từ ngày 17/4/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ.

+ Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

4. Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Kiến nghị Tòa án về việc vi phạm thời hạn giải quyết vụ án

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đại diện nguyên đơn, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng khởi kiện ông Nguyễn Tấn P yêu cầu trả nợ gốc và lãi theo các Hợp đồng đã ký kết, xác định đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Do bị đơn – ông Nguyễn Tấn P trong hồ sơ tín dụng ông P ký xác nhận cư trú tại địa chỉ số B đường số H, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh nay là đường B, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua xác minh tại Công an P1, Quận H cũ xác định ông P có đăng kí thường trú tại địa chỉ Số B đường số H cũ (nay là đường B) nhưng không thực tế cư ngụ tại địa phương, hiện tạm trú tại E ấp B, xã V, huyện B. Tiến hành xác minh tại Công an xã V thể hiện ông P có đăng ký cư trú và thực tế cư trú tại E, Ấp B, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là E4/19, Ấp E, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn – ông Nguyễn Tấn P, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng ông P vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông P.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét, Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Tấn P là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Tấn P, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không thực hiện đúng thỏa thuận về việc trả nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định pháp luật và thỏa thuận đã ký tại Hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 16/04/2026 ông Nguyễn Tấn P có trách nhiệm thanh toán 205.623.011 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 29.517.932 đồng; Nợ lãi: 176.105.079 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên là phù hợp với Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng và cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Điều này xem như bị đơn đã từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ tham gia tố tụng tại Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn – ông Nguyễn Tấn P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Tấn P phải chịu là: 10.281.150 đồng

- Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

- Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 01/7/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Điều 3 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Áp dụng:

- Các Điều 280, 351, 357, Khoản 2 Điều 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13;

- Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Tấn P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền vay nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 16/04/2026 là 205.623.011 đồng (Hai trăm linh năm triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn không trăm mười một đồng). Trong đó: Nợ gốc: 29.517.932 đồng (Hai mươi chín triệu năm trăm mười bảy nghìn chín trăm ba mươi hai đồng); Nợ lãi: 176.105.079 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu một trăm linh năm nghìn không trăm bảy mươi chín đồng).

Ông Nguyễn Tấn P còn phải tiếp tục chịu trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/04/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã được xác lập giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K và ông Nguyễn Tấn P .

Việc thanh toán tiền được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Nguyễn Tấn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.281.150đ (Mười triệu hai trăm tám mươi mốt nghìn một trăm năm mươi đồng). Nộp tại Cơ quan

Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.036.475 đồng (Bốn triệu không trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm bảy mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0031173 ngày 14/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh). Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần K, ông Nguyễn Tấn P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Lương Duy Minh Chính

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Phòng THADS KV10-TP.HCM
- THA DS TP.HCM;
- VKSND KV 10-TP. HCM;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.